

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST

Ngày: 04 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Bà Trần Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ni, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 5 và 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 16/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 14/5/2019 đối với bị cáo:

Phan Văn S (tên gọi khác: D) - sinh năm 1964; tại: CP, AG.

Nơi cư trú: tổ 17, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: có 04 án tích về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 127/HS-ST ngày 25/7/1988 của Tòa án nhân dân Quận Ba, Thành phố Hồ Chí Minh; xử phạt 03 năm tù; Bản án số 59/HSST ngày 17/3/1998 của Tòa án nhân dân thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang; xử phạt 09 tháng tù; Bản án số 28/HSST ngày 14/5/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xử phạt 06 tháng tù và Bản án số 47/HSST ngày 18/11/2008 của Tòa án nhân huyện Tân Châu, tỉnh An Giang; xử phạt 06 tháng tù; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/01/2019 cho đến ngày 11/01/2019; tạm giam từ ngày 11/01/2019 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Ông Lương Kiên C, sinh năm 1958; nơi cư trú: tổ 2, khu phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:
- + Người làm chứng: Anh Huỳnh Thái H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo bị cáo Phan Văn S khai nhận: Vào ngày 01/01/2019 bị cáo cùng một số người khác thuê xe đi đến Nhà thờ B (thuộc xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang) để cầu nguyện. Sau khi cầu nguyện xong một mình bị cáo đón xe khách đi đến Trung tâm chợ thành phố P, tỉnh Kiên Giang lúc đó khoảng 17 giờ 30 phút. Bị cáo vào chợ kiểm mua Ghe nhưng không có; bị cáo vào chợ Bách hóa P mua bánh kẹo làm quà cho con cháu. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày bị cáo thuê bị hại Lương Kiến C chạy xe ôm mang biển kiểm soát 68H1-144.71 chạy từ chợ Bách hóa P đi đến Bến xe P (thuộc khu phố B, phường T, thành phố P) với số tiền phải trả là 20.000 đồng để coi có chuyến xe nào chạy đi liền về thành phố C, tỉnh An Giang hay không. Trên đường đi bị cáo còn hỏi bị hại xe Thành phố giờ này còn chạy không; bị hại trả lời không biết, để lại hỏi bảo vệ. Khi đến gần chốt gác bảo vệ Bến xe bị hại dừng dừng xe; không rút chìa khóa xe ra và để xe còn đang nổ máy. Bị hại xuống xe và bị hại thấy thùng đồ của bị cáo có hiện tượng rơi từ võng xe xuống đất, nên yêu cầu bị cáo đứng cạnh xe vịn (đỡ) thùng đồ bị hại chạy hỏi bảo vệ bên xe. Bị cáo còn ngồi trên xe và bị hại quay mặt lại bảo bị cáo ngồi ở đây đợi và tiếp tục chạy tới phòng vé để hỏi. Thấy bị hại đi khuất và không ai để ý bị cáo liền nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe đưa đi tiêu thụ lấy tiền trả nợ. Sau khi lấy được xe bị cáo điều khiển xe chạy ngược trở lại để hỏi đường và sau đó chạy theo đường Quốc lộ N1 (thuộc khu vực ấp N, xã T) qua khỏi cầu H một đoạn thì bị lực lượng Công an xã T, thành phố P kiểm tra bắt giữ và bị tạm giam cho tới nay.

Theo bị hại Lương Kiến C khai nhận: Bị hại đứng tên sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 68H1-144.71 đang đậu chờ khách tại Công viên bên cạnh chợ Bách hóa P. Khoảng 19 giờ 30 phút bị cáo đến yêu cầu bị hại chở sang Bến xe P với giá 20.000 đồng; bị hại đồng ý. Chuẩn bị cho xe chạy thùng đồ (loại thùng giấy) của bị cáo để trên võng xe; bị cáo ngồi phía sau. Trên đường đang chạy bị cáo nói với bị hại kiểm xe để đi liền. Khi chạy xe đến cạnh chốt gác bảo vệ bị hại dừng dừng xe; không rút chìa khóa xe ra và để xe còn đang nổ máy. Cả hai xuống xe; bị hại thấy thùng đồ của bị cáo có hiện tượng rơi từ võng xe xuống đất nên yêu cầu bị cáo đứng cạnh xe vịn (đỡ) thùng đồ và ở đó đứng đợi; bị hại chạy hỏi bảo vệ bên xe và tiếp tục chạy tới phòng vé K và T để hỏi thì đều trả lời không có xe đi liền; bị hại mới quay ra xe thì phát hiện xe và bị cáo biến mất. Bị hại liền hỏi bảo vệ bên xe có thấy không; bảo vệ trả lời không biết. Nghi ngờ bị cáo lấy xe nên bị hại đến Công an phường T, thành phố P trình báo sự việc.

Vật chứng vụ án thu giữ: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda; số loại Wave; màu sơn: xanh-đen; số máy HC09E5489874; số khung 09057Y390523; mang biển

kiểm soát số 68H1-144.71 (đã qua sử dụng).

Vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đã trả lại cho bị hại Lương Kiến C.

Tại Biên bản số 01/BB-HĐ ngày 04/01/2019 và Bản kết luận định giá về giá trị tài sản số 01/BB-HĐ ngày 04/01/2019 kết luận:

Một xe máy nhãn hiệu Honda; số loại Wave; màu sơn: xanh-đen; số máy HC09E5489874; số khung 09057Y390523; biển kiểm soát số 68H1-144.71 (xe đã qua sử dụng) trị giá 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Lương Kiến C đã nhận lại xe máy tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an thành phố Hà Tiên và không yêu cầu bị cáo Phan Văn S bồi thường thêm thiệt hại. Tiền cước phí vận chuyển xe ôm 20.000 đồng không yêu cầu bị cáo phải trả.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSHT ngày 16/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; Truy tố bị cáo Phan Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tiếp tục giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phan Văn S với mức án tù 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

- Đề nghị ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, về việc trả lại vật chứng cho bị hại Lương Kiến C.

- Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phan Văn S không có ý kiến tranh luận.

Bị hại Lương Kiến C xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt phần nào cho bị cáo.

Bị cáo Phan Văn S có lời nói sau cùng: Trước hết là xin lỗi đối với bị hại; sau đó xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, vì rất hối hận, ăn năn do hành vi phạm tội mà mình gây ra và cam kết không còn phạm tội lần sau. Bản thân bị cáo hiện có chứng bệnh đau khớp; đi đứng, lao động gặp khó khăn. Vợ bị cáo là Lê Thị Ngọc S bị bệnh tim và suy thận đã nhiều năm chữa trị chưa khỏi. Kinh tế gia đình quá khó khăn chỉ trông nhờ đứa con gái lao động kiếm sống, trị bệnh cho cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phan Văn S hoàn toàn nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của bị hại Lương Kiến C 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda; số loại Wave; màu sơn: xanh-đen; số máy HC09E5489874; số khung 09057Y390523; biển kiểm soát số 68H1-144.71 (xe đã qua sử dụng) trị giá 8.000.000 đồng; phù hợp với biên bản hỏi cung bị can và Biên bản lấy lời khai tại Cơ quan điều tra (Bút lục số 116, 117, 126 và 127).

Theo Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phan Văn S hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, trực tiếp xâm hại đến tài sản của bị hại Lương Kiến C và còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, việc điều tra, truy tố và xét xử công khai đối với bị cáo là thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Theo Kiểm sát viên luận tội và đề nghị áp dụng mức hình phạt tù từ 09 tháng đến 12 tháng và xử lý các vấn đề liên quan đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng chính sách pháp luật.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Phan Văn S không thể hiện có tiền án, tiền sự, do đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại toàn bộ cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt phần nào cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên và tại phiên tòa Hội đồng xét xử còn xét thấy bị cáo bị truy tố và xét xử về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng; mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn; hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo có khó khăn; vợ chồng bị cáo đang bệnh tật; có nơi cư trú rõ ràng, nên bị cáo chỉ có thể bị phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nhân thân tốt; đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp; bị nhiều Tòa án kết án và tuyên phạt tù về tội trộm cắp tài sản. Qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tiếp tục phạm tội và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung; tạo thêm điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt; sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Đối với bị hại Lương Kiến C cần rút kinh nghiệm trong việc chiếm giữ tài sản; không quá tin tưởng và sơ hở tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo Phan Văn S lợi dụng chiếm đoạt tài sản của mình.

[6] Xét về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Tại Quyết định số 150 ngày 31/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, về việc trả lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt cho chủ sở hữu bị hại Lương Kiến C theo đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lương Kiến C không yêu cầu bị cáo Sự bồi thường thêm thiệt hại; kể cả đòi trả cước phí vận chuyển xe ôm 20.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn S (tên gọi khác: D) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Phan Văn S (tên gọi khác: D) 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 02/01/2019).

2. Về vật chứng vụ án:

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; ghi nhận Quyết định số 150 ngày 31/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, về việc trả lại tài sản là Một xe máy nhãn hiệu Honda; số loại Wave; màu sơn: xanh-đen; số máy HC09E5489874; số khung 09057Y390523; biển kiểm soát số 68H1-144.71 (xe đã qua sử dụng) do bị cáo chiếm đoạt cho chủ sở hữu bị hại Lương Kiến C.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại Lương Kiên C không yêu cầu bị cáo Phan Văn S bồi thường thêm thiệt hại; kể cả đòi trả cước phí vận chuyển xe ôm 20.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang (Phòng HS);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân